

Cao Bằng, ngày 06 tháng 12 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên khóa 102

Môn: Phần II - Các kỹ năng

Ngày thi: 29/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lý Tuấn Anh	9.00	Chín	31	Bế Thị Ly	8.00	Tám
2	Hoàng Thị Bích	8.20	Tám phẩy hai	32	Nông Duy Mạnh	5.80	Năm phẩy tám
3	Bùi Thị Hà Chi	7.00	Bảy	33	Nguyễn Đăng Minh	8.60	Tám phẩy sáu
4	Chung Lệ Chi	9.40	Chín phẩy bốn	34	Hoàng Thị Na	6.80	Sáu phẩy tám
5	Nông Văn Công	7.20	Bảy phẩy hai	35	Nông Thị Nga	7.20	Bảy phẩy hai
6	Nông Văn Dũng	6.80	Sáu phẩy tám	36	Hà Thị Ngân	9.20	Chín phẩy hai
7	Đặng Văn Đức	8.80	Tám phẩy tám	37	Phan Thị Thanh Nhân	7.40	Bảy phẩy bốn
8	Lưu Lý Thị Thu Hà	8.40	Tám phẩy bốn	38	Nông Thị Nhu	7.20	Bảy phẩy hai
9	Lý Thị Hà	7.40	Bảy phẩy tư	39	Triệu Thúy Oanh	9.80	Chín phẩy tám
10	Thắm Thị Hà	9.80	Chín phẩy tám	40	Đinh Thúy Quỳnh	8.00	Tám
11	Trần Thị Hải	7.40	Bảy phẩy tư	41	Hoàng Ngọc Công Sơn	8.40	Tám phẩy bốn
12	Triệu Thị Hạnh	6.80	Sáu phẩy tám	42	Hoàng Tùng Sơn	9.40	Chín phẩy bốn
13	Trần Thanh Hằng	9.20	Chín phẩy hai	43	Hoàng Trường Sơn	8.00	Tám
14	Lưu Bá Hiệp	7.40	Bảy phẩy tư	44	Hoàng Thị Thảo	6.60	Sáu phẩy sáu
15	Nguyễn Quốc Hiệp	7.00	Bảy	45	Sầm Thị Thảo	8.80	Tám phẩy tám
16	Triệu Thị Hồng Hiệp	9.20	Chín phẩy hai	46	Trương Thị Thảo	8.20	Tám phẩy hai
17	Lê Thị Phương Hoa	8.40	Tám phẩy bốn	47	Phạm Minh Thu	8.40	Tám phẩy bốn
18	Đinh Thị Hòa	7.20	Bảy phẩy hai	48	Bế Kim Thúy	7.80	Bảy phẩy tám
19	Ma Thị Hồng	8.80	Tám phẩy tám	49	Đinh Thị Thúy	8.40	Tám phẩy bốn
20	Hoàng Thị Huế	6.40	Sáu phẩy bốn	50	Long Thị Thương	5.80	Năm phẩy tám
21	Phương Thị Huế	7.20	Bảy phẩy hai	51	Mạc Văn Toàn	8.20	Tám phẩy hai
22	Phan Đức Huynh	9.60	Chín phẩy sáu	52	Đinh Nha Trang	8.60	Tám phẩy sáu
23	Chu Thị Huyền	7.80	Bảy phẩy tám	53	Hà Thị Minh Trang	6.40	Sáu phẩy bốn

24	Nông Thị Lan Hương	5.40	Năm phẩy bốn	54	Trương Xuân Trường	9.40	Chín phẩy bốn
25	Mã Thu Hường	9.20	Chín phẩy hai	55	Hoàng Thị Tươi	6.40	Sáu phẩy bốn
26	Lâu Thị Lan	7.20	Bảy phẩy hai	56	Nông Thị Tuyền	6.20	Sáu phẩy hai
27	Lê Thị Liễu	7.00	Bảy	57	Nông Thị Vân	9.20	Chín phẩy hai
28	Trương Thị Liễu	9.20	Chín phẩy hai	58	Hoàng Văn Vinh	7.40	Bảy phẩy bốn
29	Nông Thị Luận	7.80	Bảy phẩy tám	59	Chung Thị Yên	8.00	Tám
30	Triệu Thị Luyên	9.40	Chín phẩy bốn	60	Hoàng Hải Yến	6.80	Sáu phẩy tám
				61	Lý Thị Viên (K99)	9.40	Chín phẩy bốn

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa